

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+BK8+RP2	7:25	5+10+4	0+0+0		4+6+12	0+0+0	
2		TD2+BK15+BK5	7:25	13+0+4	0+0+0		10+8+4	0+0+0	
3		RP2+RC10	7:25	16+6	0+0		15+7	0+0	
4		P11+VSP01+BK3	7:25	18+3+0	0+0+0		16+0+4	0+0+0	
5		PVD8+TD5+P2	9:25	8+2+11	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
6		CTC1+RP2+RP1	9:25	11+10+0	0+0+0		9+11+1	0+0+0	chuyen 2 rp2-rp1
7		BK14+CLO+P2	9:25	0+0+19	0+0+0		2+0+20	0+0+0	chuyen 1 bk14-clo
8		P5+P4+TD2	9:25	2+3+5	0+0+0		1+12+9	0+0+0	chuyen 3 p5-p4
9		BK8+P2	11:25	3+19	0+0		1+21	0+0	chuyen 1 bk8-p2
10		RCDM+RC10+RP2	11:25	5+0+16	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
11		BK6+TD3+RC3	13:25	6+4+10	0+0+0		3+5+12	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
2 người DVL TD1 về đi P5



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: BK6 - BK8 - RP2	CREW: LHAÍ - T.HIẾU - TDUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/4687	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUU VAN DIEP	BK6	99	1	6	2	16	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NOVIKOV ANDREY	BK6	03	1	5	2	40	101	ANTOAN	Russian
3	NGUYEN THANH HAI	BK6	87	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC THIẾP(*)	BK6	85	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO ĐỨC THAI	BK6	86	1	13			83	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN LONG	BK8	31	1	5	4	70	74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG CAM	BK8	33	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG ĐÌNH QUẢN	BK8	34	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
9	LUƠNG VIỆT HỢP	BK8	32	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN DAT	BK8	35	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRỌNG SƠN(*)	BK8	28	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUY TÀI	BK8	29	1	14			59	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LONG	BK8	22	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
14	LE ANH TUẤN	BK8	25-27	3	17			71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO ĐANH NGỌC	BK8	23-24	2	17			78	KH-THAC	Vietnamese
16	VU MẠNH HÀ	RP2	02	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TÂN TÀI	RP2	04	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN KIM CUÔNG	RP2	03	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN SÁCH ĐƠN	RP2	01	1	15			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	5	398	5	38	4	56	4		
2	BK8	10	706	13	101	4	70	6		
3	RP2	4	274	4	30	0	0	12		
TOTAL		19	1,378	22	169	8	126	22		
WEIGHT KG			1,378		169		126			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

LUU THANH HAI

LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:25
B.CARD: XANH-1	TO: TD2 - BK15 - BK5	CREW: HÙNG - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 09:15
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4676	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VANEEV DMITRIY	TD2	85	1	14	4	70	104	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	41	1	12			85	KHOAN	Russian
3	BUI HUU HONG	TD2	40	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	38	1	10			80	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN MAI NGUYEN PHUOC	TD2	42-43	2	14			92	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2						69	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	TD2	87	1	6			55	KHOAN	Vietnamese
8	HO QUANG HIEP	TD2	44	1	3			66	DK9	Vietnamese
9	TRINH HONG SON	TD2	86	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
10	TRUONG DUC MANH	TD2	39	1	10			80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DONG	TD2	84	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN QUANG BINH	BK5	51	1	8	8	142	78	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN VAN TRINH	BK5	50	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE HUNG CUONG	BK5	53	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG THANG	BK5	52	1	7			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	11	846	11	90	4	70	10		
2	BK15	0	0	0	0	0	0	8		
3	BK5	4	285	4	26	8	142	4		
TOTAL		15	1.131	15	116	12	212	22		
WEIGHT KG			1.131		116		212			

GRAND TOAL: 1.459 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HƯNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: RP2 - RC10	CREW: DƯƠNG - MTHAO - NNAM	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/4680	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO MẠNH HUY	RP2	15	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	10	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	16	1	5	1	17	71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	RP2	09	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TUẤN ANH	RP2	17	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ TUẤN ANH	RP2	12	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	11	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	07	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ THIÊN ĐẠT*	RP2	08	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI HỮU TÂM	RP2	01-02	2	11			77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM QUANG LỢI	RP2	05	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN SÁNG	RP2	18	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUNG	RP2	04	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HAI SANG	RP2	06	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	03	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	RP2	14	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ HỮU THẮNG	RC10	24	1	4			81	DK9	Vietnamese
18	BUI SONG TOAN	RC10	23	1	2			71	DK9	Vietnamese
19	LÊ CÔNG MINH HIỆU	RC10	21	1	10			91	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HÙNG*	RC10	19	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THÀNH	RC10	20	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC10	22	1	9			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	16	1.099	17	97	1	17	15		
2	RC10	6	426	6	40	0	0	7		
TOTAL		22	1.525	23	137	1	17	22		
WEIGHT KG			1.525		137		17			

GRAND TOAL: 1.679 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: P11 - VSP01 - BK3	CREW: LINH - V.CU'ONG - MQUAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4683	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI VAN CHINH	P11	77	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HUNG	P11	76	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN MINH HIEU	P11	84	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
4	VO VAN HUNG	P11	80	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN PHUOC	P11	75	1	7			61	KHOAN	Vietnamese
6	KHUAT QUANG KIEN	P11	81	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DOAN BAO TRUNG	P11	79	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
8	DO VAN MAO	P11	66	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN QUOC TUAN	P11	67	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM DINH THUYET	P11	78	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
11	LE TIEN DUNG	P11	65	1	3	3	60	70	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUAN LONG	P11	83	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
13	ĐANG TIEN TOAN	P11	82	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN BAO CHUONG	P11	70-71	2	20			70	T-TIN	Vietnamese
15	PHAM VAN HOA	P11	72	1	4			78	T-TIN	Vietnamese
16	BAN PHUC LONG	P11	73-74	2	19			75	DVL	Vietnamese
17	LO TRUONG GIANG	P11	68-69	2	7			82	PSV	Vietnamese
18	PHAM HONG DIEN	P11	64	1	5			70	PSV	Vietnamese
19	SABITOV.	VSP01						80	KH-THAC	Russian
20	NGUYEN THI THANH LOAN	VSP01	52	1	6			50	KH-THAC	Vietnamese
21	LE ĐANG MINH ĐUC	VSP01	51	1	3			90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	18	1.307	21	137	3	60	17		
2	VSP01	3	220	2	9	0	0	0		
3	BK3	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.527	23	146	3	60	21		
WEIGHT KG			1.527		146		60			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO: PVD8 - TD5 - P2	CREW: LHM - T.HIEU - TDUNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/4688	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN CONG HOAI	PVD8	23-24	2	13			76	HALLI BUR	Vietnamese
2	NGUYEN THANH LONG	PVD8	31-32	2	14			64	HALLI BUR	Vietnamese
3	TRUONG CONG QUE	PVD8	21-22	2	11			74	HALLI BUR	Vietnamese
4	NGUYEN DIEN DANG KHOA	PVD8	27-28	2	14			90	HALLI BUR	Vietnamese
5	MOHD KHAIRUL AZHAR BIN MOHD HA	PVD8	25-26	2	20			80	HALLI BUR	Malaysian
6	FAUZAN ASYRAF MOHAMAD	PVD8	29-30	2	14			97	HALLI BUR	Malaysian
7	VU THE HUNG	TD5	29	1	12	3	50	65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MINH TIEN	TD5	30	1	9			92	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG CONG DUC	P2	09	1	8			62	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HAO	P2	26	1	11			74	KHI	Vietnamese
11	DINH VAN CUONG	P2	10	1	10			68	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN DUC PHUC	P2	12	1	9			59	KHI	Vietnamese
13	TRAN NGUYEN PHUONG	P2	11	1	4			67	KHI	Vietnamese
14	BUI VAN HUNG	P2	06-07	2	11			72	KHI	Vietnamese
15	TEH ZHI HUI	P2	04-05	2	18			61	KHI	Malaysian
16	NGUYEN HUU QUANG	P2	01,30	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM NGOC NAM	P2	02-03	2	16			74	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DINH DIEN	P2	28-29	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	6	481	12	86	0	0	0		
2	TD5	2	157	2	21	3	50	0		
3	P2	10	673	15	119	0	0	22		
TOTAL		18	1.311	29	226	3	50	22		
WEIGHT KG			1.311		226		50			

GRAND TOAL: 1.587 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

LƯU THANH HẢI

LÊ TRUNG HIẾU





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
B.CARD: XANH-2	TO: CTC1 - RP2 - RP1	CREW: HÙNG - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 11:35
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/4677	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG HUU SON	CTC1	83	1	7	1	5	74	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	94	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY CÔNG	CTC1	90	1	3			51	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1						75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THỂ MẠNH	CTC1	91	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIỆT HUNG	CTC1	87	1	9			94	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VŨ TIẾN THANH	CTC1	85	1	7			96	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN MẠNH	CTC1	86	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG TRƯỜNG	CTC1	84	1	9			102	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MINH HAI	CTC1	89	1	12			87	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN QUỐC QUẢN	CTC1	88	1	11	2	31	80	CODIEN	Vietnamese
12	VŨ DUY QUYÊN	RP2	54	1	10	4	36	64	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						63	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN QUẢN	RP2	57	1	8			57	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUẢN	RP2	51	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH BINH	RP2	56	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC TUẤN	RP2	52	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
18	THAI VĂN TUẤN	RP2	53	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN ĐOÀN	RP2	50	1	12			75	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TUẤT	RP2	55	1	15			86	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TRƯỜNG GIANG	RP2	48-49	2	19			80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	11	871	10	71	3	36	9		
2	RP2	10	707	10	85	4	36	11	2	CHUYEN 2 PAX RP2-RP1
3	RP1	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.578	20	156	7	72	22		
WEIGHT KG			1.578		156		72			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: BK14 - CLO - P2	CREW: DƯƠNG - MTHAO - NNAM	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4681	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN KHÁC QUỐC	P2	58	1	4	1	11	68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	53	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	59	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	55	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH NAM	P2	52	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2						82	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	P2	60	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LÂM	P2	62	1	13			93	ANTOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	57	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	56	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2						69	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN SƠN	P2	50	1	11	1	9	84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH TUẤN	P2						77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	54	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN NAM	P2	48	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUY TRUNG	P2	47	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ SỸ VANG	P2	61	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ HUY QUYNH	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	49	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO			
				PCS	WT				PCS	WT
1	BK14	0	0	0	0	2	21	2	1	CHUYEN 1 PAX BK14-CLO
2	CLO	0	0	0	0	3	55	0		
3	P2	19	1.345	15	92	2	20	20		
TOTAL		19	1.345	15	92	7	96	22		
WEIGHT KG			1.345		92		96			

GRAND TOAL: 1.533 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THÙY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P5 - P4 - TD2	CREW: LINH - V.CUONG - MQUAN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4684	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN CONG CHIEN**	P5	61	1	16	1	7	77	DVL	Vietnamese
2	HUYNH VU TINH**	P5	62	1	12	2	38	63	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN HONG	P4	04	1	10			52	PSV	Vietnamese
4	TRAN VAN HOA	P4	05	1	6	5	90	72	PSV	Vietnamese
5	PHAN SY HOAN	P4	34	1	7			65	PSV	Vietnamese
6	DO TIEN DUNG	TD2	49	1	9			57	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC ANH	TD2	51	1	6			78	YTE	Vietnamese
8	TRAN VAN TRI	TD2	59	1	5	2	35	76	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VU BA LINH	TD2	50	1	4			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	2	140	2	28	3	45	1	3	CHUYEN 3 PAX P5-P4
2	P4	3	189	3	23	5	90	12		
3	TD2	4	278	4	24	2	35	9		
TOTAL		9	607	9	75	10	170	22		
WEIGHT KG			607		75		170			

GRAND TOAL: 852 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HONG HA

CREW

NGO VAN LINH

PHAN NHU CUONG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:05
B.CARD: XANH-3	TO: BK8 - P2	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 13:55
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4678	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1.	LÊ VĂN NGHI	BK8	42-43	2	16	1	20	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK8	41	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN NGUYỄN	BK8	40	1	5			73	PSV	Vietnamese
4	HA CHIẾN THẮNG	P2	12	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG LƯU	P2	13	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH HOÀN	P2	10-11	2	13			80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HIỀN	P2	24	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN THANH ĐẠT	P2	08	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI QUANG CÔNG	P2	07	1	10			81	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC DANH	P2	05	1	5			62	XAYLAP	Vietnamese
11	KHÔNG QUỐC TIẾN	P2	09	1	8			71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY ĐƯƠNG	P2	06	1	14			75	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HIỀN	P2	19-20	2	19			84	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ QUỐC KHAI	P2	22-23	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P2	25	1	6			63	PSV	Vietnamese
16	LÊ NHỎ CANG	P2	21	1	7			69	PSV	Vietnamese
17	BUI LONG HÙNG	P2	17	1	4			68	PSV	Vietnamese
18	BUI HỮU TRI	P2						55	PSV	Vietnamese
19	HOANG VĂN CÔNG	P2	15	1	5			57	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TRUNG	P2	14	1	6			76	PSV	Vietnamese
21	VŨ ĐỨC THANH	P2	18	1	6			95	PSV	Vietnamese
22	MAI MINH TIẾN	P2	16	1	5			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	3	210	4	32	1	20	1	1	CHUYỂN 1PAX BK8-P2
2	P2	19	1.353	21	159	0	0	21		
TOTAL		22	1.563	25	191	1	20	22		
WEIGHT KG			1.563		191		20			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO:RCDM - RC10 - RP2	CREW: VIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4682	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN CÔNG AN	RCDM	39	1	9			73	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HIỀN	RCDM	40	1	11	2	12	76	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TUÂN	RCDM	41-42	2	12	2	34	72	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ QUỐC VƯƠNG	RCDM	43-45	3	15			77	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH CƯỜNG	RCDM	46-47	2	14			67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG HOAN	RP2	84-85	2	12			59	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	72-73	2	13			71	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH ĐỨC	RP2	87	1	15			96	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN SỸ TÌNH	RP2	70-71	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG PHẠM ĐẠI	RP2	74-75	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN KHÁC BẰNG	RP2	76-77	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯƠNG ĐỨC DAN	RP2	66-67	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG VĂN HỒNG	RP2	62-63	2	18			95	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RP2	64-65	2	16			77	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC PHÁT	RP2	68-69	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	78	1	4			77	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MINH HÙNG	RP2	83	1	5			86	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	79	1	7			67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	81-82	2	9			64	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TUÂN TỬ	RP2	80	1	8			54	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	86	1	19			65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	5	365	9	61	4	46	0		
2	RC10	0	0	0	0	0	0	2		
3	RP2	16	1.138	26	217	0	0	20		
TOTAL		21	1.503	35	278	4	46	22		
WEIGHT KG			1.503		278		46			

GRAND TOTAL: 1.827 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:25
B.CARD: HONG-4	TO: BK6 - TD3 - RC3	CREW: VTHANG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 16:15
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/4679	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ HUY MẠNH	BK6	97	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VŨ HOÀNG	BK6	91	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG ĐÌNH HOÀ	BK6	90	1	16			61	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN DŨNG	BK6	94-95	2	10			73	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN*	BK6	92-93	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẦN TRỌNG MINH	BK6	96	1	3			68	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	TD3	77-78	2	7			76	PSV	Vietnamese
8	LÊ HỒNG MINH	TD3	79	1	8	2	14	69	PSV	Vietnamese
9	DUƠNG BA HÙNG	TD3	80	1	5			69	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	TD3	75-76	2	16			60	PSV	Vietnamese
11	ĐÀO VIỆT HAI	RC3	50-51	2	7			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	47	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRINH*	RC3	52	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC XUÂN	RC3	48	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3						62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SANG	RC3	55	1	10			69	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG THANH SƠN*	RC3	53-54	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
18	DUƠNG ĐĂNG CƯỜNG	RC3	56	1	16	4	41	71	XAYLAP	Vietnamese
19	HOÀNG ĐỨC PHONG	RC3	57	1	10	3	25	88	XAYLAP	Vietnamese
20	NGÔ ANH QUỐC	RC3	58	1	19			67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	6	434	8	69	0	0	3		
2	TD3	4	274	6	36	2	14	5		
3	RC3	10	692	11	98	7	66	12		
TOTAL		20	1.400	25	203	9	80	20		
WEIGHT KG			1.400		203		80			

GRAND TOAL: 1.683 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN MINH ĐỨC